

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Dĩnh
2. Bà Cao Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Hương G

Địa chỉ: Số nhà 172, tổ dân phố 23, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S

Địa chỉ: Số nhà 85, tổ dân phố 05, phường M, thành phố Đ, tỉnh B. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Hương G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Hương G và anh Nguyễn Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh B vào ngày 08/11/2013. Sau khi kết hôn chị G và Anh S chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Sau đó vợ chồng thường xuyên hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Xét thấy, tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị G làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị G, anh S có một con chung là Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh ngày 18/5/2014. Chị G có nguyện vọng khi ly hôn chị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Do đặc thù công việc của anh S hay phải đi công tác đột xuất và hay trực đêm nên không có điều kiện thường xuyên chăm sóc con, chị G công việc nhàn dỗi hơn nên chị có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con hơn.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Vũ Thị Hương G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh B vào ngày 08/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng sống với nhau không hòa thuận, rạn nứt tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc và chị G đã làm đơn xin ly hôn. Nhưng anh S mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Trong quá trình hòa giải, chị G vẫn kiên quyết xin ly hôn, nay anh S xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh S nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh S, chị G thống nhất có một con chung là Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh ngày 18/5/2014. Nếu ly hôn, anh S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N với lý do: Chị G không có nghề nghiệp ổn định, cháu N hiện đang bị mắc bệnh chậm phát triển ngôn ngữ (Bệnh tự kỷ), chị G sức khỏe yếu không thể tự đưa con đi khám được, trong 03 lần gần đây nhất chị G không đưa cháu N đi khám, mà toàn tôi (S) một mình đưa cháu N đi khám bệnh và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 13/6/2019 chị G và anh S đều nhất trí ly hôn, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị G, anh S và chị G thỏa thuận trong trường hợp chị G được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, anh S cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng quá trình giải quyết vụ án của Tòa án đã đúng và đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 51, Điều 68, Điều 96, Điều 97, Điều 98, Điều

175, Điều 177 Điều 205, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm hiện tại, nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hương G về việc ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh S và chị G trình bày việc đưa cháu N đi khám chữa bệnh thời gian đầu từ khoảng tháng 6/2016, năm 2017 chị G đưa đi nhưng phải có sự hỗ trợ cùng mẹ của S đưa đi cùng, các đợt khám gần đây từ tháng 8/2018, 11/2018, 5/2019 đều do S đưa đi khám nhưng tại phiên tòa cả hai người đều không có tài liệu gì chứng minh việc ai là người đưa con đi khám các lần trên. Về tiền đưa con đi khám chữa bệnh là do hai bên nội ngoại hỗ trợ và tiền của hai vợ chồng. Công việc anh S làm giờ hành chính, ngoài ra một tuần phải đi trực đêm khoảng 2 lần, chị G làm việc từ 07 giờ 30 đến 20 giờ tối hàng ngày (được nghỉ về nhà ăn cơm). Xét thấy công việc, thu nhập, điều kiện của anh S ổn định hơn chị G nên giao cháu Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh ngày 18/5/2014 cho anh Nguyễn Thanh S nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng: Anh S không yêu cầu chị G cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Vũ Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, và các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Vũ Thị Hương G có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S có địa chỉ cư trú tại phường M, thành phố Đ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Vũ Thị Hương G và anh Nguyễn Thanh S được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, tính tình giữa hai người không hòa hợp, từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Chị G và anh S đều đã sống ly thân và không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị G, anh S đều nhất trí vợ chồng thuận tình ly hôn. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị G và anh S thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh ngày 18/5/2014. Nguyên vọng của chị G là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì cháu N còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, chị G yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000/1 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Anh S cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện thực tế thì cả anh S và chị G đều có điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con tốt, tại phiên tòa chị G và anh S đều thừa nhận: cháu N hiện tại đang bị mắc bệnh tự kỉ (Thể rối loạn ngôn ngữ), trong những lần điều trị dài ngày, do đặc thù công việc nên anh S không thể trực tiếp ở lại chăm sóc cháu N tại bệnh viện được, việc chữa bệnh cho cháu N cần phải có thời gian lâu dài, bản thân chị G trong quá trình đưa con đi khám tại bệnh viện nhi Trung ương, chị là người được bác sĩ trực tiếp hướng dẫn các phương pháp chăm sóc, dạy dỗ cháu N hàng ngày, hiện tại cháu N vẫn đang trong quá trình chăm sóc theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

Anh S cho rằng chị G không đủ sức khỏe để đưa cháu N đi chữa bệnh, nhưng không chứng minh được chị G bị bệnh gì, chị G cho rằng bản thân chị không bị mắc bệnh gì, mỗi lần đi khám bệnh cho cháu N, chị đều là người đưa cháu đi. Tại phiên tòa, anh S cũng nhất trí với mức thu nhập hiện nay của chị G là 8.000.000đ/ 1 tháng, anh cũng thừa nhận, do đặc thù công việc nên anh hay phải đi trực đêm.

Hiện nay cháu Nguyễn Vũ Hoàng N còn nhỏ chưa tự chăm sóc được bản thân, nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của ng- ời mẹ, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu N cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp hơn. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị G, tại đơn khởi kiện chị G yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng, tại buổi hòa giải ngày 13/6/2019, anh S, chị G đều thống nhất nếu chị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N thì anh S cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Từ những nhận định trên thấy rằng, đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết vụ án đối với phần con chung là không phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

2.3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Vũ Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn anh Nguyễn Thanh S phải chịu 150.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hương G về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

2.1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Hương G được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh ngày 18/5/2014 cho chị Vũ Thị Hương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002293 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị G đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 150.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh B;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đào Thị Thúy Thành